

Bản án số: **108/2024/DS-PT**

Ngày: 15/4/2024

V/v: “*Tranh chấp chia di sản
thừa kế, yêu cầu hủy Giấy
CNQSDĐ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Trương Công Thi**

Các thẩm phán: ông **Lê Tự**

bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Duy Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Bùi Thị Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 325/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp chia di sản thừa kế, yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 495/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1957; địa chỉ: thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: bà Tạ Thị Phương T, địa chỉ 80, Lê Thế H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Bị đơn: bà Trần Thị D; địa chỉ: thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: bà Nguyễn Thị O, địa chỉ: G số C đường T, khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Ông Trần Văn H1; địa chỉ: F N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, ông H1 có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Lê Hồng S - Công ty L; địa chỉ: C T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Nhật T1 và anh Nguyễn Minh H2; địa chỉ: thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

+ Chị Nguyễn Thị Thu H3, địa chỉ: khu đô thị T, S, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Ông Nguyễn Văn Y (chết năm: 1995) và bà Nguyễn Thị C (chết năm: 1964), có 3 người con, gồm: ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm: 1953; chết năm 2003, ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1960; chết năm 2007 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1957 (hiện là nguyên đơn), vợ ông Nguyễn Văn Đ1 là bà Lê Thị B, chết năm 2021, có con là bà Nguyễn Thị Thu H3.

Cha mẹ chết để lại di sản là quyền sử dụng đất 1.078m², trong đó có 200m² đất ở và 878m² đất vườn, thuộc thửa đất số 116/1, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Thôn L (nay là thôn Đ), xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

Năm 1998, ông Nguyễn Văn T2 tự ý tiến hành các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận số CN307752 ngày 19/10/1998.

Ngày 27/5/2003, UBND huyện V cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T2.

Năm 2007, ông T2 chết, bà D tự ý chuyển toàn bộ quyền sử dụng đất sang tên bà D.

Việc UBND huyện V cấp đất cho hộ ông T2 sau đó bà D thừa kế làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông Đ1 và bà Đ, ông Đ1 và vợ là bà B chết nên con gái Nguyễn Thị Thu H3 được hưởng phần thừa kế mà ông Đ1 được hưởng.

Yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N307752 do UBND huyện V cấp ngày 19/10/1998 cho hộ ông Nguyễn Văn T2 với diện tích 1.540m², thửa đất số 50 tờ bản đồ số 7, địa chỉ: Thôn L (nay là Đ), xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X536331, do UBND huyện V cấp ngày 27/5/2003 cho hộ ông Nguyễn Văn T2, với diện tích 1078m², thửa đất số 116/1 tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Thôn L (nay là Đ), xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 183315, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0608 diện tích 1078m², thuộc thửa đất số 116/1, tờ bản đồ số 4 do UBND huyện V cấp ngày 26/11/2008 cho bà Trần Thị D; địa chỉ thửa đất: Thôn L (nay là Đ), xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Y để lại gồm quyền sử dụng đất 1.078m² trong đó 200m² đất ở và 878m² đất vườn, thuộc thửa đất số 116/1, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Thôn L (nay là Đ), xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

Bị đơn bà Trần Thị D trình bày:

Hộ gia đình bà D được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ có số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00474 QSDĐ/958/QĐ-UB vào ngày 27/5/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T2.

Năm 2007, ông Nguyễn Văn T2 chết, bà D và các con (Nguyễn Nhật T1 và Nguyễn Minh H2) thực hiện khai nhận di sản thừa kế và thống nhất để cho bà D quản lý, sử dụng thửa đất này. Ngày 26/11/2008, UBND huyện V đã có Quyết định số 704/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSDĐ số AL 183315 với diện tích 1078m², tại thửa đất số 116/1, tờ bản đồ số 4 cho bà Trần Thị D.

Năm 2013, bà D thực hiện thủ tục tách thửa đất số 116/1, tờ bản đồ số 4 diện tích 1078m² thành 02 thửa: là thửa thửa đất số 116/1, tờ bản đồ số 4 có diện tích 642 m² (1) và thửa đất số 1441, tờ bản đồ số 4 có diện tích 454 m² (2).

Đối với thửa đất số 1441, tờ bản đồ số 4 có diện tích 454 m² (1) bà D đã tặng cho ông Nguyễn Nhật T1 (con trai). Ông Nguyễn Nhật T1 đã được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B0 871597 ngày 17/6/2013.

Đối với thửa thửa đất số 116/1, tờ bản đồ số 4 có diện tích 642m² (2), bà D đã được UBND huyện V cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B0 871598 ngày 17/6/2013 đứng tên Trần Thị D nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Nhật T1, Nguyễn Minh H2 thống nhất ý kiến của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- UBND huyện V, chị Nguyễn Thị Thu H3 không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Với các nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 34; khoản 5 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 277 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 651 Bộ luật dân sự. Điều 73 Luật đất đai năm 1993; Điều 166, Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ về yêu cầu:

- *Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N307752 do UBND huyện V cấp ngày 19/10/1998 cho hộ ông Nguyễn Văn T2 với diện tích 1540m², thửa đất số 50 tờ bản đồ số 7, địa chỉ: Thôn L (nay là thôn Đ), xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.*

- *Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X536331, do UBND huyện V cấp ngày 27/5/2003 cho hộ ông Nguyễn Văn T2, với diện tích 1078m², thửa đất số 116/1 tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Thôn L (nay là Đ), xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.*

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL183315, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0608 diện tích 1078m, thuộc thửa đất số 116/1, tờ bản đồ số 4 do UBND huyện V cấp ngày 26/11/2008 cho bà Trần Thị D; địa chỉ thửa đất: Thôn L (nay là Đ), xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

- Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Y để lại quyền sử dụng đất 1.078m² trong đó 200m² đất ở và 878m² đất vườn, thuộc thửa đất số 116/1, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Thôn L (nay là Đ), xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/10/2023 bà Nguyễn Thị Đ là nguyên đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm, lý do kháng cáo bà Đ cho rằng Bản án sơ thẩm đã xét xử không đúng pháp luật, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Đ giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, xem xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 01/3/2024, sau khi tranh luận, nhận thấy UBND huyện V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng chưa có ý kiến đối với các quyết định hành chính là Giấy CNQSDĐ bị khởi kiện trong vụ án và cần xác minh làm rõ thông tin về thửa đất các đương sự đang tranh chấp tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

- Ngày 29/3/2024, UBND huyện V có văn bản số 612/UBND-TNMT trình bày ý kiến như sau: Các Giấy CNQSDĐ đã cấp và cấp đổi cho hộ ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Thị D là đúng quy định của pháp luật, thửa đất số 116/1, tờ bản đồ số 4, xã V, diện tích 1078m², là đất nông nghiệp, đã được cân đối theo Nghị định số 64/CP, giao đất cho hộ ông T2, bà D, không phải là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Y, do vậy, UBND huyện V đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

- Ngày 20/3/2024 UBND xã V có Công văn số 33/CV-UBND cho biết thửa đất đang tranh chấp là thửa đất số 116/1, tờ bản đồ số 4, xã V, diện tích 1078m² chính là thửa đất số 36, tờ bản đồ số 3, xã V, diện tích 893.m², còn thửa 116 không có trong sổ mục kê của thôn L

Như vậy, vi phạm tố tụng trong vụ án đã được khắc phục, về nội dung đã xác định quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, nguyên đơn và Tòa án cấp sơ thẩm có sự nhầm lẫn giữa Giấy CNQSDĐ số X536331 đã cấp ngày 27/5/2003 cho hộ ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Thị D tại thửa đất số 116/1, tờ bản đồ số 4, xã V, diện tích 1078m² với Giấy CNQSDĐ số N307752 đã cấp ngày 19/10/1998 cho hộ ông Nguyễn Văn T2 (M), tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 7, xã V, *(là khác nhau nhưng do trùng tên)*. Tòa án cấp phúc thẩm sẽ xem xét chỉnh lý lại nội dung nêu trên của Bản án dân sự sơ thẩm.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật, đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật, đối tượng khởi kiện theo quy định tại các Điều 26 và Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[1.3]. Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ là hợp lệ và trong thời hạn luật định, do vậy Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm đối với vụ án.

[1.4]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện V, anh Nguyễn Nhật H4, anh Nguyễn Nhật T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị Thu H3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt, do vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xem xét nguồn gốc thửa đất có tranh chấp, yêu cầu chia di sản thừa kế, xét thấy:

[2.1.1]. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Công văn số 33/CV-UBND ngày 20/3/2024 của UBND xã V, huyện V trả lời theo yêu cầu của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có cơ sở xác định thửa đất đang có tranh chấp là thửa đất số 116/1, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Thôn L (nay là thôn Đ), xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị, *(trước đây là thửa đất số 36, tờ Bản đồ số 3, có diện tích 893m²) (bút lục 8, 10)* là thửa đất do UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số 814101 ngày 22/12/1997 cho hộ ông Nguyễn Văn T2, bà Trần Thị D tại thôn L (nay là thôn Đ), xã V (bút lục A), đến năm 2003, ông T2 được cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X536331 và đã thu hồi GCNQSDĐ số 814101, ngày 22/12/1997 *(bút lục 158)* còn đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 7 diện tích 1.540m², UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N307752 ngày 19/10/1998 cho hộ ông Nguyễn Văn T2 (Me) ở thôn T, xã V *(bút lục số 12)*, tại Đơn khởi kiện của bà Đ yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N307752 là có sự nhầm lẫn, không đúng đối tượng khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xác minh, kiểm tra đầy đủ, nhưng xem xét tuyên xử liên quan Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N307752 ngày 19/10/1998 cho hộ ông Nguyễn Văn T2 (Me) ở thôn T, xã V là không đúng, tuy nhiên những nhầm lẫn, thiếu sót nêu trên Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục, không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử sơ thẩm rút kinh nghiệm, do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm bỏ nội dung tuyên xử đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N307752 cấp ngày 19/10/1998 cho hộ ông Nguyễn Văn T2 (Me) ở thôn T, xã V tại Bản án sơ thẩm.

[2.1.2]. Xem xét nguồn gốc đất, Hội đồng xét xử xét thấy: Thửa đất tranh chấp là đất nông nghiệp, do HTX D1 quản lý từ năm 1976, quá trình quản lý, HTX D1 có phân thửa đất cho hộ gia đình ông Y sử dụng, trồng cây hoa màu, năm 1995 ông Y chết, quá trình sử dụng, ông Y không đăng ký, kê khai đối với thửa đất nói trên, theo hồ sơ lưu trữ, thửa đất do ông Nguyễn Văn T2 là con ông Y đăng ký, kê khai lần đầu đối với thửa đất vào năm 1987 (*thời điểm này ông Y còn sống*), ngày 22/12/1997, UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N307752 cho hộ ông Nguyễn Văn T2 với diện tích 893m², ngày 27/5/2003 hộ ông Nguyễn Văn T2 được UBND huyện V cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 536331, diện tích 1.078m², năm 2007, ông Nguyễn Văn T2 chết, năm 2008, bà Trần Thị D được nhận thừa kế thửa đất nêu trên và được UBND huyện V cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL183315 ngày 26/11/2008. Sau đó, năm 2013, bà D tặng cho con trai Nguyễn Nhật T1 với diện tích 454m² và được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 871597 ngày 17/6/2013. Diện tích 624m² còn lại UBND huyện V cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO871598, ngày 17/6/2013 cho bà Trần Thị D. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/6/2023: Thửa đất đang tranh chấp hiện do bà Trần Thị D đang quản lý, sử dụng, có tài sản là nhà cửa trên đất là của ông T2, bà D.

[2.1.3]. Xem xét về tài sản trên đất, xét thấy: Phía nguyên đơn cho rằng, trước khi chết ông Nguyễn Văn Y có nhà cửa, sinh sống trên đất cho đến lúc chết, tuy nhiên, quá trình khởi kiện không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì về tài sản, nhà cửa gì của ông Y trên thửa đất, hơn nữa, nguyên đơn cũng không yêu cầu gì về tài sản trên đất. Tuy trước năm 1987, vợ chồng ông Y, bà Đ2 có sử dụng thửa đất, nhưng ông Y, bà Đ2 không đăng ký, kê khai và chưa được cấp GCNQSDĐ, mặt khác, trên đất cũng không có nhà cửa, tài sản gì của ông Nguyễn Văn Y bà Cao Thị Đ3 để lại nên không có căn cứ xác định thửa đất là di sản thừa kế của ông Y, bà Đ3. Với nguồn gốc đất như nêu trên, quá trình sử dụng năm 1987, ông T2 đã đăng ký, kê khai, trực tiếp sử dụng và đã được cấp GCNQSDĐ qua nhiều lần, nay đã tách thửa, chuyển nhượng lại cho con cái, chỉnh lý biến động đúng theo quy định của pháp luật, quyền sử dụng thửa đất là của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Thị D là hợp pháp. Do vậy, tại Bản án dân sự sơ thẩm đã xác định thửa đất không phải là di sản thừa kế do ông Y, bà Đ3 để lại và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Đ cũng không bổ sung thêm được tài liệu, chứng cứ để chứng minh về di sản của ông Y, bà Đ3, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Đ, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí phúc thẩm bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Áp dụng Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 651 Bộ luật dân sự. Điều 73 Luật đất đai năm 1993; Điều 166, Điều 179 Luật đất đai năm 2013;

2/Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ về các yêu cầu sau:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X536331, do UBND huyện V cấp ngày 27/5/2003 cho hộ ông Nguyễn Văn T2, với diện tích 1078m², tại thửa đất số 116/1 tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Thôn L (nay là thôn Đ), xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL183315, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0608 diện tích 1078m, thuộc thửa đất số 116/1, tờ bản đồ số 4 do UBND huyện V cấp ngày 26/11/2008 cho bà Trần Thị D; địa chỉ thửa đất: Thôn L (nay là thôn Đ), xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

- Không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Y để lại là quyền sử dụng đất 1.078m², trong đó 200 m² đất ở và 878m² đất vườn, thuộc thửa đất số 116/1, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Thôn L (nay là thôn Đ), xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

3/. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/. Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng điểm d, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Đ.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi